BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

**BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC: 2014- 2015**

# MÔN: ANH NGỮ CAO CẤP 1

**MÃ MÔN: ENG301**

***SỐ TÍN CHỈ: 2***
***HỌC KỲ : 1***
***LẦN THI : 1***

***Thời gian : 03/10/2014***

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ | TÊN | LỚP HỌC PHẦN | LỚP SINH HOẠT | ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP | | | | | | | ĐIỂM T. KẾT | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | A | P | Q | H | THI NÓI | THI VIẾT | F | SỐ | CHỮ | |
| | | | | | | 5% | 10% | 20% | 10% | | | 55% | | | |
| 1 | 162163165 | Ngô Phi | Đức | ENG 301 A | K16EVT | 3.5 | 5 | 4.5 | 0 | 5.5 | 7.3 | 6.4 | 5.1 | Năm Phẩy Một | |
| 2 | 162333725 | Nguyễn Văn | Hưng | ENG 301 A | K16QTH3 | 3 | 5 | 6 | 0 | 6 | 6 | 6 | 5.2 | Năm Phẩy Hai | |
| 3 | 168322177 | Đặng Thị | Niềm | ENG 301 A | T18KDNB | 9.5 | 7 | 6 | 8 | 6 | 2.9 | 4.4 | 5.6 | Năm Phẩy Sáu | |
| 4 | 132234933 | Trịnh Hồng | Tuấn | ENG 301 C | K14KTR1 | 8 | 8 | 5.5 | 8 | 4 | 7 | 5.5 | 6.1 | Sáu Phẩy Một | |
| 5 | 152353470 | Lê Minh | Quân | ENG 301 C | K15QTC2 | 7 | 7 | 6 | 8 | 3.6 | 5.5 | 4.5 | 5.6 | Năm Phẩy Sáu | |
| 6 | 122230538 | Phùng Tấn | An | ENG 301 I | K14KTR1 | 5 | 4 | 2 | 3 | 0 | 0 | 0 | 0.0 | Không | |
| 7 | 142221526 | Hoàng Văn | Cường | ENG 301 I | K14XDC | 8 | 8 | 4 | 6 | 6.7 | 4.5 | 5.6 | 5.7 | Năm Phẩy Bảy | |
| 8 | 152236324 | Nguyễn Đình | Phúc | ENG 301 I | K15KTR1 | 4 | 4 | 4.6 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0.0 | Không | |
| 9 | 162233488 | Ngô Văn | Hiếu | ENG 301 I | K16KTR4 | 7 | 6 | 5 | 6 | 3.5 | 6.5 | 5 | 5.3 | Năm Phẩy Ba | |
| 10 | 162333714 | Nguyễn Văn | Hải | ENG 301 I | K16QTH2 | 6 | 6 | 3 | 5 | 4.2 | 6 | 5.1 | 4.8 | Bốn Phẩy Tám | |
| 11 | 162413959 | Nguyễn Duy | Tùng | ENG 301 I | K16DLL | 6 | 4 | 2 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0.0 | Không | |
| 12 | 1826247870 | Ngô Thị | Làm | ENG 301 I | D18QNHB2 | 8 | 7 | 4.6 | 6 | 5.3 | 3.5 | 4.4 | 5.0 | Năm | |
| 13 | 1826268292 | Nguyễn Thị Ngọc | Hân | ENG 301 O | D18KDN4B | 7 | 7 | 7 | 7 | 4 | 2.9 | 3.4 | 0.0 | Không | |

**BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU**

| STT | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SỐ LƯỢNG | TỶ LỆ (%) | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Số sinh viên đạt | 9 | 69% | |
| 2 | Số sinh viên nợ | 4 | 31% | |
| **TỔNG CỘNG :** | | **13** | **100%** | |

*Đà nẵng, ngày 11 tháng 10 năm 2014*

**NGƯỜI LẬP**

**Trần Trung Mai**

**P. ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH**

**ThS. Nguyễn Ân**